

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010



## I. GIỚI THIỆU

Công ty Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 71/UBCK-GP ngày 14/12/2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động tháng 4/2008.

Với việc góp 49% vốn của Tập đoàn Kim Eng, Kim Eng Việt Nam đã trở thành công ty chứng khoán đầu tiên có đối tác chiến lược là tổ chức nước ngoài được nhận giấy phép kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Mang theo gìn bốn thập kỷ kinh nghiệm môi giới chứng khoán, công nghệ hiện đại và những dịch vụ tư vấn chuyên biệt của tập đoàn Kim Eng Singapore đến Việt Nam, Kim Eng Việt Nam cung cấp toàn bộ các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp bao gồm Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư; Nghiên cứu & phân tích; Bảo lãnh phát hành; Tài chính doanh nghiệp.

Chính thức đi vào hoạt động đúng vào thời điểm TTCK Việt Nam đang có rất nhiều biến động, nhưng Kim Eng vẫn kiên định hướng tới một mô hình kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp bằng Niềm tin mạnh mẽ vào tiềm năng và triển vọng to lớn của TTCK Việt Nam. Sau đúng một năm hoạt động Kim Eng Việt Nam đã kinh doanh có lãi. Năm thứ hai tiếp tục tăng trưởng vượt bậc với mức doanh thu tăng gấp 20 lần so với kế hoạch đề ra và Kim Eng là một trong rất ít công ty chứng khoán kinh doanh có lãi trong cả năm 2009, 2010 chỉ đúng bằng dịch vụ tư vấn môi giới. Số lượng khách hàng của công ty không ngừng gia tăng và ngay trong năm hoạt động thứ hai, Kim Eng đã đứng vào danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất.

Kim Eng liên tục đầu tư để mở rộng sự hiện diện tới các trung tâm kinh tế tài chính của cả nước như TP. HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai và sẽ không ngừng phát triển trong tương lai. Tại TP. HCM Kim Eng có mặt ở khắp các khu cư dân trọng yếu như Quận 1 (CN Trần Hưng Đạo); Q. Phú Nhuận (CN Phan Xích Long); Khu Cư dân người Hoa (CN Chợ Lớn) và Q. 2 (Phòng GD Đông Tây). Đội ngũ nhân sự lớn mạnh với hơn 200 chuyên viên người nước ngoài và người Việt Nam được đào tạo chuyên sâu để tư vấn chuyên nghiệp nhất cho khách hàng.

Sự song hành của hai tên tuổi tài chính hàng đầu là tập đoàn Kim Eng Holdings Limited và Mitsubishi UFJ – cổ đông chiến lược của tập đoàn Kim Eng đã mang đến cho Kim Eng Việt Nam sự hậu thuẫn và vị thế cạnh tranh khó có công ty Việt Nam nào sánh được. Thông qua Mitsubishi UFJ, Kim Eng Việt Nam có thể khai thông nguồn vốn từ Nhật Bản, đưa các nhà đầu tư Nhật Bản tham gia đầu tư trực tiếp tại thị trường Việt Nam.

Thành công của Kim Eng Việt Nam là kết quả của quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ theo đuổi mô hình kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp:

- Cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao cho nhà đầu tư;
- Chỉ tập trung vào môi giới khách hàng;
- Kiên quyết tách bạch tiền giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư thông qua việc giao cho Ngân hàng quản lý;
- Không phát triển tự doanh;
- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là về công nghệ hiện đại bậc nhất;
- Liên tục mở rộng, phát triển mạng lưới và khách hàng.

Tính chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ đã đưa Kim Eng Việt Nam nhanh chóng vào danh sách những sản phẩm được yêu thích nhất năm 2009, 2010 do người tiêu dùng bình chọn với sự tổ chức của Thời Báo Kinh Tế Việt Nam và 2 năm liên tiếp đoạt giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” do Hiệp Hội Kinh Doanh Chứng Khoán cùng một số tổ chức tài chính thực hiện.

Cạnh tranh trên TTCK ngày càng khốc liệt trong bối cảnh kinh tế vĩ mô bất ổn nhưng Kim Eng đã cạnh tranh thành công bằng việc tạo dựng được niềm tin với người tiêu dùng với triết lý kinh doanh đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu. Ngay từ những ngày hoạt động đầu tiên Kim Eng đã gửi thông điệp rất rõ ràng tới nhà đầu tư là Kim Eng sẽ không tự doanh, tài khoản của khách hàng hoàn toàn do ngân hàng quản lý, thông qua đó khách hàng hoàn toàn yên tâm về quyền lợi của họ luôn được đảm bảo. Kim Eng đã thiết lập được mô hình quản lý kinh doanh đặc biệt, theo đó việc chăm sóc khách hàng được quán triệt tới từng nhân viên môi giới. Mỗi nhân viên tự tư vấn, nhập lệnh cho khách của mình qua đó tạo sự gắn bó, tin tưởng với khách hàng. Ngoài ra, Kim Eng luôn là đơn vị đi đầu trong các hoạt động hội thảo, tư vấn cho nhà đầu tư. Các chuyên gia của Kim Eng liên tục xuất hiện trong các thời khắc khó khăn của thị trường giúp nhà đầu tư có được những thông tin chính xác, kịp thời để nhận diện và nắm bắt các cơ hội đầu tư hiệu quả.

## II. TÀM NHÌN VÀ NHIỆM VỤ

Hướng tới mục tiêu đứng trong top 5 các CTCK hàng đầu Việt Nam vào năm 2013, Kim Eng Việt Nam đang nỗ lực tạo dựng cho mình những nền tảng vững chắc cho sự phát triển lớn mạnh và lâu dài sau này. Trong 3 năm tới, Kim Eng sẽ tập trung phát triển mạng lưới để tiến tới gần với khách hàng hơn. Công ty đang triển khai mở thêm 2 phòng GD tại Hà Nội và TP. HCM và sẽ sớm đưa các chi nhánh Đà Nẵng, Cần Thơ, Vũng Tàu và An Giang đi vào hoạt động trong quý 2.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động, Kim Eng sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ nhân sự, cả về số lượng và chất lượng. Kim Eng đang có kế hoạch tuyển dụng quy mô lớn. Riêng trong năm 2011 công ty dự kiến sẽ tuyển dụng thêm trên 100 nhân viên. Sẽ liên tục tổ chức các khóa đào tạo nhằm chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên, đặc biệt là giúp nhân viên môi giới có được năng lực và tầm nhìn quốc tế để tư vấn tốt nhất cho các nhà đầu tư đến với Kim Eng. Song song, công ty cũng có chương trình tài trợ học bổng cho nhân viên tham gia các chương trình học các chứng chỉ chuyên môn như ACCA, CFA, CMT cũng như các khóa đào tạo chuyên sâu tại nước ngoài.

Kim Eng sẽ tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro về vốn là điều sống còn đối với các công ty chứng khoán.

Một điều không kém phần quan trọng là công ty sẽ liên tục hoàn thiện và cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ mới phục vụ khách hàng. Sản phẩm Video online cùng với Forum trên website của Kim Eng mới được cập nhật gần đây đã đưa trang web này thành trang thông tin chuyên nghiệp, có tính tương tác cao nhất tại thị trường Việt Nam.

Việc ra mắt giao diện website mới này chính là cam kết của công ty là luôn nỗ lực mang lại những dịch vụ hoàn hảo nhất cho khách hàng. Sản phẩm Video online của Kim Eng đã được kiểm chứng mang lại hiệu quả rất lớn cho các nhà đầu tư của Kim Eng trên khắp khu vực, đặc biệt là Thái Lan và Singapore. Kim Eng tự hào là người đầu tiên đưa dịch vụ này vào phục vụ nhà đầu tư tại Việt Nam và sẽ không ngừng cải tiến, có những đầu tư đặc biệt về công nghệ để luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường nói chung và nhà đầu tư chứng khoán nói riêng.

Thị trường chứng khoán 3 năm qua liên tục phải đổi mới với khó khăn nhưng Kim Eng vẫn kiên định với kế hoạch phát triển của mình. Những gì Kim Eng đang làm thể hiện cam kết mạnh mẽ của công ty là làm tốt nhất để trở thành lựa chọn hàng đầu cho nhà đầu tư Việt Nam. Việc chuyển giao sở hữu từ Kim Eng Holdings Limited (Singapore) sang Maybank (Malaysia) vào đầu năm 2011 sẽ giúp Kim Eng Việt Nam có những bứt phá mới nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ về tài chính cũng như nền tảng khách hàng rộng lớn của Maybank trong khu vực và tại Việt Nam. Maybank là một tập đoàn tài chính rất lớn với tổng vốn cổ phần là 9,1 tỷ USD và tổng tài sản

hơn 100 tỷ USD, có mạng lưới hoạt động ở 15 nước trên thế giới và có một số nước mà Kim Eng chưa từng có mặt.

2011 sẽ tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với các công ty chứng khoán nhưng Kim Eng Việt Nam đã sẵn sàng để đổi mới với khó khăn, quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới với thành công lớn hơn, bền vững hơn, đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam nói riêng và kinh tế đất nước nói chung.

### III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Ronald Ooi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/10/2010

#### 1. Ông Lâm Hoàng Lộc : Chủ tịch HĐQT

Ông Lộc có trên 18 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng. Ông là một trong những người tiên phong thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần Á châu và là Tổng Giám đốc đầu tiên của Ngân hàng này. Sau đó Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Á Châu, Chủ tịch HĐQT VP Bank. Ông Lộc là người có nhiều uy tín, được giới chuyên môn đánh giá cao trong các lĩnh vực Quản trị ngân hàng & Tái cấu trúc công ty, ngân hàng, nghiên cứu kinh tế và đầu tư.

#### 2. Ông Ronal Ooi- Ủy viên

Ông Ronal Ooi có trên 30 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán. Ông được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Kim Eng Holdings limited (KEH), Tổng Giám đốc KimEng Securities Pte.Ltd (KES) vào năm 2008. Ông Ooi đảm trách phần kế hoạch và chiến lược của tập đoàn Kim Eng. Ông Ooi bắt đầu sự nghiệp với Price Waterhouse, Australia trước khi tham gia vào ngành chứng khoán. Từ năm 1986 đến 1999 ông là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Singapore

#### 3. Ông Lê Minh Tâm-Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc

Ông Tâm tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, là Nghiên cứu sinh của Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) tại Singapore năm 1999.

Ông Tâm bắt đầu sự nghiệp với ngành ngân hàng và có trên 10 năm kinh nghiệm trong ngành này. Ông đã từng giữ các vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Ngân Hàng TMCP Á Châu, Ủy viên HĐQT Ngân Hàng Đại Á.

Sau khi ông chuyển sang ngành chứng khoán từ 2005, ông là Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán ACBS trước khi được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT của Công ty Chứng khoán Kim Eng Việt năm vào năm 2007

#### 4. Ông Ong Cheow Kheng- Ủy viên

Ông Ong Cheow Kheng tốt nghiệp Cử nhân khoa học máy tính, Thạc sĩ quản trị kinh doanh- Malaysia. Ông Ong có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin của ngân hàng đầu tư và kinh doanh chứng khoán ở các nước Đông Nam Á như Malaysia, Thailand, Singapore và Việt nam. Ông Ong giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, phụ trách các dự án công nghệ thông tin của Kim Eng Holdings Ltd..(Singapore)

## VII. TÀI CHÍNH

### A- BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tôi, Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 2 năm 2011

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd  
4th Floor, Saigon Tower  
29 Le Duan Street, District 1  
Ho Chi Minh City  
Vietnam  
Telephone: (84-8) 3823 0796  
Facsimile: (84-8) 3825 1947

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 23.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## 5. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Ủy viên

Bà Hiền tốt nghiệp Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh và là người có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực xây dựng và phát triển doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, tài chính và kế toán doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

## TỈ LỆ NĂM GIỮ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CHÍNH

	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỉ lệ % nắm giữ
Kim Eng Holdings Limited	13,965,000	46.55%
Lâm Hoàng Lộc	4,075,000	13.58%
Nguyễn Thị Thanh Hiền	2,560,250	8.53%
Lê Minh Tâm	2,850,000	9.50%
Phạm Thành Tiến	2,100,000	7.00%
Khác	4,449,750	14.84%
	<b>300,000,000</b>	<b>100%</b>

## IV BAN KIỂM SOÁT

Ông Phạm Thành Tiến

Ông Tan Pei-San

Bà Eunice Ho (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2010)

Ông Jason Foo (từ chức ngày 12 tháng 2 năm 2010)

Tất cả các thành viên của Ban kiểm soát đều không là các Giám đốc điều hành của Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo Điều 21, Quyết định 12/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính:

- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình.
- Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Ban kiểm soát khuyến nghị Hội đồng Quản trị tiếp tục chọn PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) là kiểm toán độc lập của King Eng Việt nam năm 2010

Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## V. BAN GIÁM ĐỐC

Ông Lê Minh Tâm  
Ông Nguyễn Văn Mạnh

Tổng Giám đốc      Bổ nhiệm ngày 18/07/2007  
Phó Tổng Giám đốc    Bổ nhiệm ngày 11/09/2010

---

## VII. TÀI CHÍNH

### A- BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tôi, Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 2 năm 2011

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd  
4th Floor, Saigon Tower  
29 Le Duan Street, District 1  
Ho Chi Minh City  
Vietnam  
Telephone: (84-8) 3823 0796  
Facsimile: (84-8) 3825 1947

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 23.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2664  
Ngày 28 tháng 2 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VND	2009 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		485.167.463.123	428.121.483.903
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.927.814.920	30.973.378.924
1	Tiền		17.927.814.920	10.973.378.924
2	Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	6.605.500	130.521.460.000
1	Đầu tư ngắn hạn		6.605.500	130.521.460.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		464.254.996.739	264.236.596.298
2	Trả trước cho người bán		544.560.997	1.339.922.365
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	463.732.684.067	260.655.433.961
5	Các khoản phải thu khác	7	7.511.054.425	4.161.127.221
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(7.533.302.750)	(1.919.887.249)
V	Tài sản ngắn hạn khác		2.978.045.964	2.390.048.681
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		636.560.144	789.403.704
4	Tài sản ngắn hạn khác		2.341.485.820	1.600.644.977
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		30.443.461.670	25.014.134.323
II	Tài sản cố định		20.718.090.118	23.346.634.567
1	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	13.689.666.069	15.875.712.933
	Nguyên giá		30.841.960.550	26.352.357.283
	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.152.294.481)	(10.476.644.350)
3	Tài sản cố định vô hình	8(b)	7.028.424.049	7.470.921.634
	Nguyên giá		13.303.624.507	11.279.265.995
	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.275.200.458)	(3.808.344.361)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	4.363.050.000	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		4.345.050.000	-
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		18.000.000	-
V	Tài sản dài hạn khác		5.362.321.552	1.667.499.756
1	Chi phí trả trước dài hạn	9	1.158.467.402	354.712.772
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	15	1.877.339.122	986.271.956
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	2.326.515.028	326.515.028
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>515.610.924.793</b>	<b>453.135.618.226</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
A	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		194.802.126.389	232.622.896.746
I	<b>Nợ ngắn hạn</b>		194.311.275.452	232.217.672.315
1	Vay ngắn hạn	11	138.291.764.137	2.371.763.226
2	Phải trả người bán		448.121.193	148.338.017
3	Người mua trả tiền trước		850.732.000	470.032.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.317.469.423	7.828.528.159
5	Phải trả nhân viên		44.533.432	15.302.271
6	Chi phí phải trả	13	8.005.070.420	8.351.954.605
7	Phải trả nội bộ	22(b)	10.395.432	50.022.653
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	41.535.105.444	107.594.806.361
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		502.968.610	1.438.952.241
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		305.115.361	103.947.972.782
II	<b>Nợ dài hạn</b>		490.850.937	405.224.431
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		490.850.937	405.224.431
B	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		320.808.798.404	220.512.721.480
I	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		320.808.798.404	220.512.721.480
1	Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	200.000.000.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.6(b)	(588.937.500)	-
8	Quỹ dự phòng tài chính		2.419.886.795	1.525.636.074
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.419.886.795	2.025.636.074
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.557.962.314	16.961.449.332
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>515.610.924.793</b>	<b>453.135.618.226</b>

Ngô Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2011



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2010 VND	2009 VND
1	<b>Doanh thu</b>	<b>113.257.794.447</b>	<b>122.481.965.344</b>
	Trong đó:		
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	45.578.276.055	64.369.738.152
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	177.517.950	6.056.643.836
	Doanh thu hoạt động tư vấn	6.864.365.787	843.320.590
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	171.318.776	16.336.808
	Doanh thu sử dụng vốn	517.085.590	45.454.545
	Doanh thu khác	17	59.949.230.289
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
3	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>122.481.965.344</b>
		<b>113.257.794.447</b>	
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(50.713.291.786)
5	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>62.544.502.661</b>	<b>66.852.660.318</b>
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(40.040.185.288)
7	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>22.504.317.373</b>	<b>37.681.806.734</b>
8	Thu nhập khác	20	1.090.862.772
9	Chi phí khác	20	(7.727.300)
10	<b>Thu nhập khác – Số thuần</b>	<b>1.083.135.472</b>	<b>996.817.614</b>
11	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.587.452.845</b>	<b>38.678.624.348</b>
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(6.397.193.087)
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21	694.754.666
14	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>17.885.014.424</b>	<b>32.195.377.642</b>

Ngô Thanh Thủy  
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYÉN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2010 VND	2009 VND
I	<b>LƯU CHUYÉN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	23.587.452.845	38.678.624.348
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9.162.597.208	8.220.682.381
03	Các khoản dự phòng	5.613.415.501	1.919.887.249
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư	7.727.300	22.504.089
06	Chi phí lãi vay	2.730.623.531	6.313.224.077
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	41.101.816.385	55.154.922.144
09	Tăng các khoản phải thu	(208.372.656.785)	(256.694.497.690)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(167.562.580.104)	214.497.417.076
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(650.911.070)	968.910.266
13	Tiền lãi vay đã trả	(2.730.623.531)	(6.313.224.077)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(12.575.384.251)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	(350.790.339.356)	7.613.527.719
II	<b>LƯU CHUYÉN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(6.541.780.059)	(4.209.022.440)
23	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(145.000.000.000)	(333.870.414.289)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	275.000.000.000	291.870.414.289
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(27.414.093.486)	(16.974.177.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22.780.647.986	85.211.419.214
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	118.824.774.441	22.028.219.774
III	<b>LƯU CHUYÉN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được	202.564.579.362	300.484.741.817
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(66.644.578.451)	(298.112.978.591)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(17.000.000.000)	(10.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	218.920.000.911	(7.628.236.774)
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	(13.045.564.004)	22.013.510.719
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	30.973.378.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	17.927.814.920
			30.973.378.924

Ngô Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 223 nhân viên (2009: 127 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc có bổ sung các khoản đầu tư giữ để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## 2.6 Các khoản đầu tư

### (a) Đầu tư ngắn hạn

#### *Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Giám đốc quyết định như vậy.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Lãi/(lỗ) từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cỗi tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

### (b) Đầu tư dài hạn

#### *Đầu tư sẵn sàng để bán*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ổn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu và sẽ được chuyển sang báo cáo kết quả kinh doanh khi bán các khoản đầu tư này.

## 2.6 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

### (b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

#### *Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá mua. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng lãi suất hữu hiệu.

Cỗ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

## 2.7 Tài sản cố định

#### *Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thu đắc tài sản cố định.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng thuê	3 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

#### *Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.8 Chi phí vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 2.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư tài chính dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

### *Doanh thu từ hoạt động tự doanh*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

### *Doanh thu về vốn kinh doanh và doanh thu khác*

Doanh thu về vốn kinh doanh và doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

## 2.10 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tối thiểu mục có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

## 2.11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

## 2.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ - pháp lý hoặc liên đới - hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

## 2.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

## 2.14 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận và các quỹ

### *Phân chia lợi nhuận*

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo các quy định pháp lý Việt Nam.

### *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

### *Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ*

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo quyết định 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2010 VND	31.12.2009 VND
Tiền mặt	83.084.558	51.250.369
Tiền gửi ngân hàng	1.523.549.150	274.936.408
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	16.321.181.212	10.647.192.147
Các khoản tương đương tiền (*)	-	20.000.000.000
	<u>17.927.814.920</u>	<u>30.973.378.924</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31.12.2010					Dự phòng	
	Giá sổ sách VND	So với giá trị thị trường		Giá trị thị trường VND			
		Tăng VND	Giảm VND				
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết	4.557.004	2.048.496	-	6.605.500	-	-	
	31.12.2009					Dự phòng	
	Giá sổ sách VND	So với giá trị thị trường		Giá trị thị trường VND			
		Tăng VND	Giảm VND				
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết	514.320.000	7.140.000	-	521.460.000	-	-	
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	-	-	
	<u>130.514.320.000</u>	<u>7.140.000</u>	<u>-</u>	<u>130.521.460.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	

**(b) Các khoản đầu tư dài hạn**

	31.12.2010					Chênh lệch	
	Giá sổ sách VND	So với giá trị thị trường		Giá trị thị trường VND			
		Tăng VND	Giảm VND				
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết – Sẵn sàng để bán	5.130.300.000	-	785.250.000	4.345.050.000	(785.250.000)	-	
Đầu tư trái phiếu	18.000.000	-	-	18.000.000	-	-	
	<u>5.148.300.000</u>	<u>-</u>	<u>785.250.000</u>	<u>4.363.050.000</u>	<u>(785.250.000)</u>	<u>-</u>	

#### 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

##### (b) Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Tất cả các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn mang sang từ năm 2008 đã được bán trong năm 2009. Công ty không có thêm khoản đầu tư dài hạn nào trong năm 2009.

#### 5 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm tiền ứng trước cho khách hàng và hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh chứng khoán với các nhà đầu tư khác.

#### 6 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN NỢ KHÓ ĐỜI

	2010 VND	2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.919.887.249	-
Tăng	7.533.302.750	1.919.887.249
Xóa sổ	(1.919.887.249)	-
 Tại ngày 31 tháng 12	 7.533.302.750	 1.919.887.249

#### 7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2010 VND	31.12.2009 VND
Lãi phải thu	5.642.097.341	-
Phải thu người lao động	1.868.957.084	3.290.950.000
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	-	483.466.665
Các khoản phải thu khác	-	386.710.556
 	 7.511.054.425	 4.161.127.221

## 8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp thuê văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	7.885.798.987	15.380.454.479	1.934.047.405	1.152.056.412	26.352.357.283
Mua trong năm	-	2.873.554.428	1.117.964.500	525.902.619	4.517.421.547
Thanh lý, nhượng bán	-	(27.818.280)	-	-	(27.818.280)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>7.885.798.987</u>	<u>18.226.190.627</u>	<u>3.052.011.905</u>	<u>1.677.959.031</u>	<u>30.841.960.550</u>
<b>Khảo hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	2.987.784.762	6.570.854.214	563.246.132	354.759.242	10.476.644.350
Khảo hao trong năm	1.577.159.801	4.444.671.921	399.977.659	273.931.730	6.695.741.111
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.090.980)	-	-	(20.090.980)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>4.564.944.563</u>	<u>10.995.435.155</u>	<u>963.223.791</u>	<u>628.690.972</u>	<u>17.152.294.481</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.898.014.225	8.809.600.265	1.370.801.273	797.297.170	15.875.712.933
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>3.320.854.424</u>	<u>7.230.755.472</u>	<u>2.088.788.114</u>	<u>1.049.268.059</u>	<u>13.689.666.069</u>

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	11.279.265.995
Mua trong năm	2.024.358.512
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>13.303.624.507</u>
<b>Khảo hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	3.808.344.361
Khảo hao trong năm	2.466.856.097
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>6.275.200.458</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	7.470.921.634
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>7.028.424.049</u>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	354.712.772	1.245.109.836
Tăng	1.291.680.435	449.151.588
Phân bổ trong năm	(487.925.805)	(1.339.548.652)
 Số dư cuối năm	 1.158.467.402	 354.712.772

Chi phí phải trả dài hạn chủ yếu là chi phí thành lập chi nhánh mới và được phân bổ trong vòng 2 năm.

**10 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Đây là khoản tiền gửi tại Quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định của luật hiện hành.

**11 VAY NGÂN HẠN**

	31.12.2010 VND	31.12.2009 VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	130.664.764.137	2.371.763.226
Vay ngắn hạn từ khách hàng cá nhân	7.627.000.000	-
  	  138.291.764.137	  2.371.763.226

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2010 VND	2009 VND
Thuế bán hàng nội địa	1.134.842.507	23.830.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.291.327.498	7.469.518.662
Thuế thu nhập cá nhân	356.569.459	174.943.005
Thuế khác (*)	1.534.729.959	160.235.984
  	  4.317.469.423	  7.828.528.159

(\*) Các khoản thuế khác chủ yếu là thuế thu nhập cá nhân phải nộp hộ khách hàng vào Ngân sách Nhà nước.

## 13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2010 VND	2009 VND
Lương tháng 13 và thưởng	4.700.000.000	5.393.939.394
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.184.065.487	1.770.664.538
Khác (*)	2.121.004.933	1.187.350.673
	<hr/> 8.005.070.420	<hr/> 8.351.954.605

(\*) Các khoản phải trả khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, bảo trì phần mềm Freewill, phí quản lý, hoa hồng đại lý, chi phí lãi vay, phí dịch vụ.

## 14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán.

## 15 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoán lại và thuế thu nhập hoán lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoán lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Biến động gộp của thuế thu nhập hoán lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	986.271.956	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	694.754.666	986.271.956
Ghi nhận vào vốn và quỹ	196.312.500	-
Số dư cuối năm	<hr/> 1.877.339.122	<hr/> 986.271.956

Tài sản thuế thu nhập hoán lại phát sinh từ các khoản nợ khó đòi, giảm giá đầu tư dài hạn và dự phòng trợ cấp thôi việc.

## 16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	200.000.000.000	3.250.098.214	-	-	(1.682.656.162)	201.567.442.052
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	32.195.377.642	32.195.377.642
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.525.636.074	2.025.636.074	(3.551.272.148)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Các thay đổi khác	-	(3.250.098.214)	-	-	-	(3.250.098.214)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	200.000.000.000	-	1.525.636.074	2.025.636.074	16.961.449.332	220.512.721.480
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.885.014.424	17.885.014.424
Phân bổ vào các quỹ	-	-	894.250.721	394.250.721	(1.288.501.442)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
Đánh giá lại đầu tư dài hạn	-	(588.937.500)	-	-	-	(588.937.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	300.000.000.000	(588.937.500)	2.419.886.795	2.419.886.795	16.557.962.314	320.808.798.404

**Mẫu số B 09 – CTCK**

**17 DOANH THU - KHÁC**

Đây là thu nhập từ lãi của tiền ứng trước cho nhà đầu tư và thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán.

**18 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	8.088.540.928	11.310.205.157
Hoa hồng đại lý	2.154.113.650	2.288.572.881
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	147.971.190	1.609.665.214
Chi phí tài chính	1.842.620.782	6.483.436.876
Chi phí nhân viên	21.934.219.270	20.862.938.160
Chi phí khấu hao	2.376.536.490	1.646.520.949
Thuê văn phòng	5.282.185.433	3.811.802.140
Chi phí trực tiếp khác	8.887.544.043	7.616.163.649
	<hr/> <hr/> 50.713.731.786	<hr/> <hr/> 55.629.305.026

**19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí khấu hao	6.786.060.718	6.574.161.432
Chi phí nhân viên	15.511.380.955	9.628.002.114
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	136.685.432	94.086.810
Chi phí công cụ, đồ dùng	121.587.208	577.806.174
Dự phòng các khoản nợ khó đòi	7.515.849.681	1.919.887.249
Thuế và các khoản liên quan thuế	46.659.297	15.827.000
Thuê văn phòng	1.614.769.436	2.387.155.948
Chi phí bảo hành phần mềm	2.049.938.256	1.382.917.134
Các chi phí khác	6.257.254.305	6.591.009.723
	<hr/> <hr/> 40.040.185.288	<hr/> <hr/> 29.170.853.584

**20 THU NHẬP KHÁC**

	2010 VND	2009 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Doanh thu hoa hồng từ PVFI và các bên khác	1.090.862.772	1.019.321.703
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	(7.727.300)	(22.504.089)
Thu nhập khác – Số thuần	<hr/> <hr/> 1.083.135.472	<hr/> <hr/> 996.817.614

## 21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính.

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.587.452.845	38.678.624.348
Thuế tính ở thuế suất 25%	5.896.863.212	9.669.656.087
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	52.209.325	10.389.645
Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất lên thuế hoãn lại trong năm 2009	-	(295.409.381)
Thu nhập không chịu thuế	(246.634.116)	-
Giảm thuế (*)	-	(2.901.389.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.702.438.421	6.483.246.706

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2009 và 2010.

(\*) Ngày 13 tháng 1 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 03/2009/TT-BTC về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho cả năm 2009 cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ, theo đó những doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2009. Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty cho rằng mình đã đủ điều kiện của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì vậy Công ty đã áp dụng mức giảm thuế 30% cho năm 2009.

## 22 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Kim Eng Holdings Singapre do chiếm 46,6% vốn pháp định.

### (a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

#### i) Doanh thu phí giao dịch chứng khoán và phí xác nhận

	2010 VND	2009 VND
Các công ty thành viên thuộc tập đoàn		
Kim Eng Securities Pte.Ltd-Trust	33.218.725	58.925.560
Kim Eng Securities ( Thailand) Public	12.191.741	12.780.000
Các bên liên quan khác	93.806.641	40.025.489
	<hr/>	<hr/>
	139.217.107	111.731.049
	<hr/>	<hr/>

## 22 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

## ii) Phí tư vấn

	2010 VND	2009 VND
Kim Eng Securities Pte.Ltd	-	161,000,000

## iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2010 VND	2009 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.737.908.682	1.559.077.754

## iv) Giao dịch giữa các bên liên quan

	2010 VND	2009 VND
Chi phí được trả hộ bởi Kim Eng Securities Pte. Ltd	-	48.349.727
Chi phí Công ty trả hộ cho Kim Eng Holdings	131.582.482	-
Chi phí được trả hộ bởi Kim Eng Reasearch Pte. Ltd	-	16.375.359
Chi phí Công ty trả hộ cho Kim Eng Research Pte. Ltd	2.690.649	-
Chi phí Công ty trả hộ cho Kim Eng Securities Pte. Ltd	2.981.328	101.257.994

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2010 VND	2009 VND
Phải trả Kim Eng Holdings Sinagpore	-	-
Phải trả Kim Eng Securities Sinagpore	10.395.432	50.022.653

## 23 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng 2010 VND	2009 VND
Dưới 1 năm	954.172.800	-
Từ 1 đến 5 năm	3.105.636.401	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.059.809.201	-

## 24 SÓ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp cho phù hợp với trình bày của năm hiện hành.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2011.

  
Ngõ Thanh Thủy  
Kế toán trưởng



  
Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc